| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 31-12-2025<br>V/v không công nhận quan hệ vợ chồng | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Kim Sơn.

Ông Hà Công Tâm.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 481/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long; có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn L, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là bà Phan Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:*

Bà Phan Thị T và ông Cao Văn L quen biết và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cải vã, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2024 thì bà và ông L đã sống ly thân với nhau, mặc dù có gặp gỡ bàn bạc để nhằm hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Do nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông L không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Cao Văn L là vợ chồng.

+ Về con chung: Có 02 (hai) người con chung tên Cao Minh T1, sinh ngày: 10/01/1995 (đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết) và Cao Trường L1, sinh ngày: 29/6/2011, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Không có.

+ Về nợ: Không có.

- Bị đơn là ông Cao Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận yêu cầu của bà T: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L.

Về con chung: Bà T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Trường L1, sinh ngày 29/6/2011; ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* với ông Cao Văn L, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phan Thị T và ông Cao Văn L đều có địa chỉ tại xã N, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Cao Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Phan Thị T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông Cao Văn L Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bà Phan Thị T và ông Cao Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của ông bà là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đối với yêu cầu của bà Phan Thị T, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn L là phù hợp.

[4] Về con chung:

Bà T yêu cầu được nuôi người con chung giữa bà với ông L là Cao Trường L1, sinh ngày: 29/6/2011, người con này hiện đã trên bảy tuổi và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà T nên cần ghi nhận nguyện vọng này. Về phía ông L vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con; do vậy cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng người con chung tên Cao Minh T1, sinh ngày: 10/01/1995 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, bà T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, về nợ: Ông L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ; bà T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, xác định là không có tài sản và không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn L.

[2] Về nuôi con:

Giao cho bà Phan Thị T được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Cao Văn L là Cao Trường L1, sinh ngày: 29/6/2011 (đang sống chung với bà Phan Thị T). Ghi nhận việc bà Phan Thị T không yêu cầu ông Cao Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp muôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà Phan Thị T, ông Cao Văn L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, bà Phan Thị T, ông Cao Văn L có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng người con chung giữa bà Phan Thị T và ông Cao Văn L tên Cao Minh T1, sinh ngày: 10/01/1995 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân). Bà Phan Thị T, ông Cao Văn L không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản, về nợ: Bà Phan Thị T xác định là không có tài sản và không có nợ. Ông Cao Văn L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về về tài sản, về nợ; đồng thời Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011330 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà  T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]  Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm

ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**